

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án “Hồ Đắc Gang”, tỉnh Đắk Nông**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 5658/BTNMT-TCMT ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và báo cáo của Tổng cục Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Hồ Đắc Gang”, tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Hồ Đắc Gang, tỉnh Đắk Nông” (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Đắk Mil và huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đắk Nông;
- Sở TN&MT tỉnh Đắk Nông;
- TCQLĐĐ, Cục QLTNN;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT. Hg.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “HỒ ĐẮK GANG, TỈNH ĐẮK NÔNG”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Hồ Đắc Gang, tỉnh Đắk Nông.
- Địa điểm thực hiện: Huyện Đắk Mil và huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Nông.
- Địa chỉ: Tổ 4, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.
- Vị trí địa lý (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):
 - + Hồ chứa: $X = 1385893,30$; $Y = 419085,58$
 - + Tim tuyến đập chính: $X_1 = 1390708,68$; $Y_1 = 38427,18$;
 $X_2 = 1390072,55$; $Y_2 = 38984,88$.
 - + Trần xả lũ: $X_1 = 1389903,43$; $Y_1 = 38880,26$; $X_2 = 1389949,98$;
 $Y_2 = 39009,13$; $X_3 = 1390052,97$; $Y_3 = 39027,55$; $X_4 = 1390616,76$; $Y_4 = 39128,35$.
 - + Cống lấy nước: $X_1 = 1390558,33$; $Y_1 = 38478,81$; $X_2 = 1390598,10$;
 $Y_2 = 38524,13$; $X_3 = 1390670,25$; $Y_3 = 38597,90$.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Hồ Đắc Gang là nguồn cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp cho khoảng 1.860ha, bao gồm 170ha lúa nước, 350ha hoa màu, 1.340ha cây công nghiệp và tạo nguồn cấp nước sinh hoạt cho khoảng 8.000 người trên địa bàn huyện Đắk Mil và huyện Cư Jút.
- Tổng diện tích chiếm dụng vĩnh viễn của Dự án là 230ha, bao gồm: đất trồng cây lâu năm (133,2ha); đất trồng cây hằng năm (53,6ha); đất trồng lúa 01 vụ (7,9ha); đất nuôi trồng thủy sản (9,8ha); đất giao thông, sông suối (25,4ha); đất ở (0,1ha).
- Phạm vi ĐTM của Dự án không bao gồm đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính

a) Các công trình chính

(1) Công trình đầu mối:

- Hồ chứa: Diện tích lưu vực $27,38\text{km}^2$; diện tích mặt hồ $103,34\text{ha}$, mực nước dâng bình thường (MNDBT) $+450,90\text{m}$, dung tích hồ ứng với MNDBT $10,83$ triệu m^3 , dung tích hữu ích $10,14$ triệu m^3 , dung tích chết $0,686$ triệu m^3 .
- Đập chính: Đập đất nhiều khối, cao trình đỉnh đập $+452,70\text{m}$, cao trình đỉnh tường chắn sóng $+453,50\text{m}$, chiều dài đỉnh đập $801,62\text{m}$, chiều rộng đỉnh đập $6,0\text{m}$, chiều cao đập lớn nhất $26,5\text{m}$.
- Trần xả lũ: tràn tự do kết hợp tràn có cửa (cao độ ngưỡng tràn tự do $+450,9\text{m}$, cao độ ngưỡng tràn có cửa $+444,9\text{m}$), dốc nước và bể tiêu năng.

- Công lấy nước: Công ngầm chảy có áp, có tháp van sửa chữa thượng lưu và van điều tiết hạ lưu; kết cấu thân công bằng bê tông cốt thép và thép bọc bê tông cốt thép, lưu lượng thiết kế $0,94\text{m}^3/\text{s}$.

(2) Hệ thống đường ống dẫn nước

- Đường ống chính và công trình trên đường ống chính dài 18,69km.

- Đường ống cấp 1 và công trình trên đường ống cấp 1 dài 10,15km.

b) Các hạng mục công trình phụ trợ

- Các hạng mục công trình phụ trợ gồm:

- Đường quản lý: Đoạn 1 (từ Quốc lộ 14 vào đập) dài 852,5m; Đoạn 2 (từ bờ trái đập xuống nhà van hạ lưu vận hành công) dài 175,35m.

- Đường ven hồ dài 3,665 km.

- Nhà quản lý: Diện tích khuôn viên 400 m^2 , diện tích sử dụng 100 m^2 .

- Hệ thống điện chiếu sáng, điện vận hành, trạm biến áp, đường dây tải điện... phục vụ công tác quản lý vận hành.

c) Các hạng mục công trình phục vụ thi công dự án

- Các hạng mục công trình phục vụ thi công Dự án gồm: (1) Đường thi công (dài 5,7 km), (2) Đê quây (dài 182,37 m, cao trình đỉnh là +435,5 m), (3) Bãi thải (diện tích 56.900 m^2), (4) Mặt bằng thi công (diện tích 8.400 m^2), (5) Kênh dẫn dòng (dài 144,7 m), (6) Mỏ vật liệu đất đắp: 05 mỏ, trong đó 04 mỏ tại vị trí lòng hồ và 01 mỏ khai thác vật liệu bổ sung ngoài lòng hồ (VLBS1).

1.3.2. Hoạt động của Dự án:

- Hoạt động khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu đất đắp đập.

- Hoạt động vận chuyển và đổ đất đá thải;

- Hoạt động của máy móc thiết bị phục vụ thi công.

- Hoạt động xây dựng các hạng mục đập, tràn, công, hệ thống đường ống.

- Hoạt động tích nước, vận hành hồ chứa, dẫn nước tưới cho nông nghiệp.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án phải thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất của 7,9ha đất trồng lúa 01 vụ tại khu vực lòng hồ Hồ Đắc Gang thuộc xã Đắc Gàn và xã Đắc R'La, huyện Đắc Mil. Diện tích đất thực hiện Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông thông qua “Danh mục các dự án cần thu hồi đất” tại Nghị Quyết số 186/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2021 thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn xây dựng:

- Hoạt động vận chuyển đất đá thải, hoạt động khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu đất đắp đập, hoạt động vận chuyển thiết bị phục vụ thi công.

- Hoạt động xây dựng các hạng mục đập, tràn, công, hệ thống đường ống.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động tích nước, vận hành hồ chứa, dẫn nước tưới cho nông nghiệp.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt khoảng $16\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), BOD_5 , N-NH_4 , Photphat, coliform.

- Nước thải xây dựng:

+ Nước thải từ hoạt động thi công các hạng mục công trình lưu lượng khoảng $45,4\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là pH, chất rắn lơ lửng (SS), COD, tổng dầu mỡ khoáng.

+ Nước thải từ hoạt động rửa các phương tiện vận chuyển khoảng $0,984\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là TSS, dầu mỡ.

- Nước mưa chảy tràn khoảng $1,48\text{m}^3/\text{s}$. Thành phần chủ yếu là SS, COD, tổng photpho.

b) Giai đoạn vận hành:

Dự án không phát sinh nước thải trong giai đoạn vận hành.

3.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh chủ yếu trong giai đoạn xây dựng, bao gồm:

- Bụi phát sinh từ hoạt động phát quang, giải phóng mặt bằng.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; từ hoạt động đào, đắp và thi công các hạng mục công trình; từ hoạt động khai thác đất đắp; từ hoạt động đổ thải tại bãi thải.

3.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng $80\text{kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, rau, giẻ lau, găng tay, cáp điện thải, sứ cách điện, thủy tinh, kim loại, hợp kim thải, gỗ thải, văn phòng phẩm, giấy các loại,...

- Chất thải rắn thông thường khoảng $136.054,24$ tấn, từ hoạt động giải phóng mặt bằng, xây dựng các hạng mục công trình. Thành phần chủ yếu là đất đá thải, phế thải xây dựng,..

- Chất thải nguy hại (CTNH) khoảng 1.071kg từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, thùng chứa dầu, bóng đèn,...

b) Giai đoạn vận hành:

CTNH phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng các thiết bị công trình thủy lợi, bao gồm: giẻ lau dính dầu, thùng chứa dầu, bóng đèn,.. khoảng $18\text{kg}/\text{năm}$ và dầu mỡ thải khoảng 816 lít.

3.4. Quy mô, tính chất của các tác động khác

a) Giai đoạn xây dựng

- Thay đổi cảnh quan, thay đổi cơ cấu sử dụng đất.

- Tác động đến tài nguyên sinh học khu vực dự án.

- Tác động của hoạt động thi công công trình đến dân cư khu vực dự án.
- Ảnh hưởng đến giao thông khu vực có tuyến đường vận chuyển.
- Tác động đến chế độ thủy văn, dòng chảy.
- Sự cố vỡ đê quai.

b) Giai đoạn vận hành

- Tác động đến chế độ thủy văn, dòng chảy và nhu cầu sử dụng nước trên suối Đắk Gang.
- Thay đổi hệ sinh thái khu vực lòng hồ.
- Bồi lắng lòng hồ, xói lở bờ hồ và bờ suối ở hạ lưu.
- Thay đổi mực nước ngầm và độ ẩm trong khu vực.
- Sự cố vỡ đập, vỡ đường ống dẫn nước.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

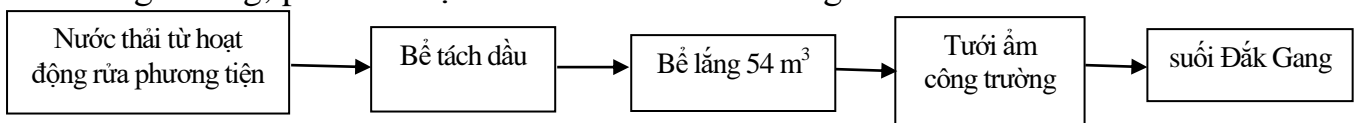
a) Giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 05 nhà vệ sinh di động, trong đó 03 nhà vệ sinh đặt tại lán trại công nhân và 02 nhà vệ sinh đặt tại khu quản lý. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; không thải nước thải ra môi trường.

- Nước thải xây dựng:

+ Bố trí 01 bể lắng dung tích 54m³ tại khu vực trạm trộn bê tông để thu gom, lưu giữ nước rửa vật liệu xây dựng.

+ Nước thải rửa xe lẫn dầu: Xây dựng bể lắng tách dầu dung tích 2m³ để thu gom và xử lý nước thải lẫn dầu tại khu vực rửa xe. Bể gồm 2 ngăn (ngăn lọc rác dung tích 1m³, ngăn tách dầu dung tích 1m³), lắp đặt tấm lọc dầu. Chủ dự án sẽ thay tấm lọc dầu thường xuyên. Tấm lọc dầu và dầu thải được lưu giữ tại kho lưu giữ CTNH và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Nước sau bể lắng tách dầu được tận dụng một phần để tưới ẩm công trường; phần còn lại sẽ thải ra suối Đắk Gang.



b) Giai đoạn vận hành:

Dự án không phát sinh nước thải trong giai đoạn vận hành.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Nước thải xây dựng: Tuân thủ QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu, đất, đá thải được che phủ kín; bố trí điểm rửa xe tại khu vực trước khi ra khỏi công trường; được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ.

- Phun nước làm ẩm, che chắn bằng bạt các công trình phá dỡ, che chắn vật liệu, đất đào khi tập kết tạm thời.

- Dọn dẹp tại công trường, bảo trì các trang thiết bị đồ phế liệu xây dựng.

**) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng không khí xung quanh.

4.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng

- Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa rác thải có nắp đậy tại khu vực lán trại công nhân. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường: Đất, đá từ hoạt động đào, đắp được tận dụng một phần để xây dựng các hạng mục công trình; phần còn lại được đổ thải vào bãi thải.

+ Bố trí 02 bãi thải cách lòng suối Đắc Gang khoảng 20m từ điểm gần nhất. Diện tích bãi thải số 1 là 13.200m² và bãi thải số 2 là 24.200m².

+ Bố trí 04 bãi thải (gồm: bãi thải số 3 diện tích 7.300m²; bãi thải số 4 diện tích 6.000m²; bãi thải số 5 diện tích 3.200m² và bãi thải số 6 diện tích 3.000m²) dọc theo khu vực xây dựng đường ống tưới lưu vực 2.

+ Thực hiện kê rọ đá chắn chân, tạo rãnh thoát nước xung quanh các bãi thải. Sau khi kết thúc đổ thải, Chủ dự án tiến hành san gạt và phục hồi cảnh quan, môi trường 06 bãi thải theo quy định.

- Thu gom, xử lý CTNH: Bố trí 02 thùng chứa CTNH có nắp đậy, gắn biển cảnh báo CTNH; các thùng được đặt tại khu lưu giữ CTNH diện tích 10m² có mái che, nền chống thấm theo quy định tại công trường thi công. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành:

- Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường: Bố trí các thùng chứa rác thải có nắp đậy tại khu vực nhà điều hành. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- CTNH: Bố trí 02 thùng chứa CTNH có nắp đậy, gắn biển cảnh báo CTNH; các thùng được đặt tại khu lưu giữ CTNH diện tích 10m² có mái che, nền chống thấm theo quy định tại khu vực nhà quản lý. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung chủ yếu được thực hiện trong giai đoạn xây dựng:

+ Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

+ Thực hiện theo các quy định về an toàn lao động trong quá trình thi công, vận hành dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4.2. *Giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái*: Phục hồi môi trường, sinh thái các khu vực phục vụ thi công, cụ thể:

- Khu vực bãi thải: San gạt, trồng cây keo lá tràm mật độ 2.500 cây/ha.
- Khu vực phụ trợ: Tháo dỡ các thiết bị phục vụ thi công, thu dọn mặt bằng, san gạt, trồng cây keo lá tràm mật độ 2.500 cây/ha.
- Khu vực mỏ vật liệu VLBS1: Sau khi kết thúc khai thác, san gạt tạo mặt bằng và trồng cây keo lá tràm mật độ 2.500 cây/ha.

4.4.3. *Phòng ngừa sự cố vỡ đê quai trong giai đoạn thi công*:

Theo dõi, giám sát thường xuyên để có cảnh báo kịp thời khi có sự cố vỡ đê quai.

4.4.4. *Giảm thiểu tác động do thay đổi chế độ dòng chảy trong giai đoạn vận hành*

- Bố trí 2 nhánh tại nhà van điều tiết hạng mục công lấy nước phía hạ lưu đập. 01 nhánh kết nối với hệ thống ống dẫn nước đường kính 1.000mm về khu tưới; 1 nhánh dẫn nước dài 237,0m, đường kính 250mm để xả dòng chảy tới thiếu với lưu lượng không nhỏ hơn $0,05\text{m}^3/\text{s}$.

- Thực hiện giám sát hoạt động khai thác, sử dụng đối với hồ chứa theo quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Xây dựng quy trình vận hành hồ chứa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ đúng quy trình vận hành hồ chứa được phê duyệt.

4.4.5. *Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường*

* Giảm thiểu tác động đến chất lượng nước hồ: Thực hiện thu dọn lòng hồ trước khi tích nước; quan trắc nước mặt hồ, kiểm tra chất lượng nước sau thời gian đầu tích nước theo đúng quy định; lập kế hoạch quản lý, can thiệp kịp thời khi xảy ra tình trạng phú dưỡng hoặc phân hủy yếm khí.

* Phòng ngừa và ứng phó sự cố, rủi ro vỡ đập, an toàn hồ chứa

- Tuân thủ các quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa và Thông tư số 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện.

- Thực hiện Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước; Thực hiện cấm mốc chỉ giới an toàn lòng hồ theo quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-

BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

- Thực hiện vận hành hồ chứa theo đúng quy trình vận hành được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về việc xả nước, xả lũ và thông tin kịp thời cho vùng hạ du; thực hiện quan trắc mực nước hồ, bồi lắng bùn cát và lượng mưa định kỳ; lập phương án ứng phó khi xảy ra sự cố vỡ đập.

- Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành, khai thác đảm bảo an toàn và hiệu suất cao nhất của hồ chứa; thực hiện nghiêm các nguyên tắc phòng chống và xử lý sự cố trong vận hành công trình; tiến hành kiểm tra toàn bộ thiết bị, công trình và nhân sự trước mùa lũ hàng năm.

- Thực hiện cấm mọc cảnh báo cho những vùng ngập lụt quan trọng theo bản đồ ngập lụt đã được xây dựng.

- Lập phương án dự báo ngắn hạn về lưu lượng dòng chảy, chất lượng nguồn nước đến hồ; tiến hành lập hoặc cập nhật, bổ sung phương án phòng chống lụt bão đảm bảo an toàn đập trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn xây dựng

a) Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 04 vị trí, bao gồm: khu vực thi công đập; khu vực bãi thải; hệ thống tưới lưu vực 1 (cách khu dân cư gần nhất 500m); hệ thống tưới lưu vực 2 (gần khu dân cư, Quốc lộ 14).

- Thông số giám sát: CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

b) Giám sát chất thải rắn thông thường và CTNH

*** Giám sát chất thải rắn sinh hoạt**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

- Thông số giám sát: khối lượng, phân loại.

- Tần suất giám sát: 1 tháng/lần.

- Quy định áp dụng: Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường có liên quan.

*** Giám sát chất thải rắn thông thường**

- Vị trí giám sát: 06 vị trí tại 06 bãi thải.

- Thông số giám sát: khối lượng, phân loại.

- Tần suất giám sát: 1 tháng/lần.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường có liên quan.

*** Giám sát CTNH**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu lưu giữ CTNH tại công trường thi công.

- Thông số giám sát: khối lượng, phân loại.

- Tần suất giám sát: 1 tháng/lần.
- Quy định áp dụng: Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường có liên quan.

c) Giám sát nước thải xây dựng

- + Vị trí giám sát: 01 vị trí tại nước thải đầu ra của bể lắng dung tích 54m³.
- + Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, Fe, dầu mỡ khoáng.
- + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- + Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNM, cột B, K_q=0,9 và K_f=1,2.

d) Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: 02 vị trí (khu vực suối Đắc Gang, vị trí cách đập dự kiến 1km về phía hạ lưu).
- Thông số giám sát: pH, DO, SS, BOD₅, COD, N-NO₃⁻, N-NH₄⁺, dầu mỡ, coliform.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1.

e) Giám sát khác

**) Giám sát sạt lở, sụt lún công trình và lân cận*

- Vị trí giám sát: tuyến đập, hệ thống đường ống dẫn nước, bãi thải
- Thông số giám sát: sạt lở, sụt lún của công trình.
- Tần suất giám sát: liên tục trong quá trình thi công.

**) Giám sát thu dọn và vệ sinh lòng hồ.*

5.2. Giai đoạn vận hành

a) Giám sát chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu lưu giữ CTNH thuộc khu nhà quản lý.
- Thông số giám sát: Khối lượng, phân loại.
- Tần suất giám sát: 2 lần/năm.
- Quy chuẩn so sánh: Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường có liên quan.

b) Giám sát chất lượng nước hồ chứa

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hồ chứa nước Đắc Gang.
- Thông số giám sát: pH, DO, SS, BOD₅, COD, N-NO₃⁻, N-NH₄⁺, dầu mỡ động thực vật, coliform.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột A2).

c) Giám sát khác

**) Giám sát xói mòn, sạt lở, sụt lún công trình*

- Vị trí giám sát: tuyến đập, công lấy nước.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

*) Giám sát chế độ thủy văn, dòng chảy giai đoạn vận hành: thông số giám sát, vị trí giám sát, hình thức, tần suất giám sát được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT.

*) Giám sát an toàn đập: thông số giám sát, vị trí giám sát, hình thức, tần suất giám sát được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án; Chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Thiết kế cơ sở của Dự án, bao gồm các công trình bảo vệ môi trường phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai thực hiện Dự án.

- Xây dựng và thực hiện phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa theo quy định; tuân thủ quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật có liên quan về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các giải pháp kỹ thuật liên quan đến việc xây dựng bãi thải, công tác đổ thải theo đúng thiết kế và quy định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Xây dựng và thực hiện chế độ vận hành hồ chứa nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của người dân và bảo vệ môi trường, sinh thái phía hạ lưu đập; duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng; đảm bảo các nhu cầu sử dụng nước và bảo vệ môi trường sinh thái phía hạ lưu đập; xác định ranh giới hành lang bảo vệ hồ chứa ứng với mực nước cao nhất khi có lũ kiểm tra; thông báo về dao động mực nước hồ, lưu lượng xả, dao động mực nước hạ lưu đập ứng với các chế độ vận hành của nhà máy và cảnh báo những vấn đề nguy hiểm để nhân dân biết, phòng tránh thiệt hại.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; chủ động huy động nhân lực, vật lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đập và ứng phó với các tình huống thiên tai, xói lở bờ hồ, ngập lụt hạ du; theo dõi, kiểm tra phát hiện sự cố, các hiện tượng mất an toàn, biến dạng bề mặt, dịch chuyển, hư hỏng đập, sạt lở đất đá tại khu vực Dự án và lân cận trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Tuân thủ các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo yêu cầu của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Thực hiện khai thác đất đắp đập theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản năm 2010; Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép; Thực hiện công tác bảo vệ các tài nguyên vật liệu còn lại chưa khai thác sau khi kết thúc khai thác; Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và các quy định hiện hành khác. Trong quá trình khai thác, nếu phát hiện khoáng sản khác ngoài vật liệu xây dựng, Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, hướng dẫn; nghiêm cấm cung cấp khoáng sản ra ngoài Dự án để sử dụng.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật hiện hành. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường, bồi thường thiệt hại đối với môi trường, xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.